

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2022/HS-ST**
Ngày 15/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Trung và Nguyễn Thị N. Vân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H MiChan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2022/HSST ngày 16/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-HS ngày 04/7/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn N** ; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1973; tại Đắk Lắk

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 6, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trương Văn M, con bà Phan Thị H (đều đã chết); Có vợ là Phạm Thị Thu H (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1998.

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 tiền án, ngày 22/01/2016, bị TAND tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "*Giết người và tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*" theo Bản án số 01/2016/HSST, ngày 20/9/2020 chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 21/8/1996, bị TAND tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù giam về tội "*Tàng trữ trái phép chất nổ và tội Chống người thi hành công vụ*" theo Bản án số 110/HSST, đã được xóa án tích.

Ngày 27/9/2006 bị TAND tỉnh Đồng Nai xử sơ thẩm, xử phạt 08 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 307/2006/HSST, ngày 23/01/2007 Tòa Phúc thẩm TANDTC tại thành phố Hồ Chí Minh xử kháng cáo, xử phạt 06 năm 06 tháng tù theo Bản án số 48/2007/HSPT. Chấp hành án phạt tù tại trại giam Xuân Lộc, ngày 30/8/2010 được đặc xá tha tù trước thời hạn, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 19/12/2021 đến ngày 03/3/2022

được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Cao Thị Mỹ N – sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn 12, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Bá T – sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị M - sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Phạm T – sinh năm: 1971; địa chỉ: Số 233/13/15 đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Ngô N Đ – sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Đỗ Anh H – sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 616 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị O – sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị T – sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị Đ – sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Mai Thị Ái P – sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 11/12 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị Mỹ D – sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn 24, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Phan Thị Thu H – sinh năm: 1972; địa chỉ: Hẻm 91 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị B – sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Võ Thị Minh H – sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 138 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Ka Sơn Thiều N – sinh năm: 1966; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Vương Thị T – sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Thu H – sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị H – sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 363/12 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị L – sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Phan Đình T – sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 68 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn 2, xã E, thành phố B,

tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Bà Trần Thị Hồng P – sinh năm: 1986; địa chỉ: Số 09/1 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Chị Trương Thị Thu D – sinh năm: 1998; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn H – sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 165/6/9 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn N đã cho nhiều người dân tại thành phố Buôn Ma Thuột vay tiền với hình thức như sau:

Người vay có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp liên hệ với N qua số điện thoại 0949.XXXXXX gắn trên chiếc điện thoại hiệu Iphone 7 màu đen để thỏa thuận gói vay, địa điểm giao tiền. Người vay không phải thế chấp cầm cố tài sản, cũng không nộp lại bất kỳ khoản chi phí nào. Thông tin của người vay được N lưu lại trong chiếc điện thoại hiệu Iphone 7 và 01 quyển sổ tay cá nhân. Hàng ngày, N đến khu vực chợ T, thành phố B hoặc bến xe tỉnh Đắk Lắk để thu tiền trả góp từ người vay hoặc trả bằng cách chuyển khoản đến tài khoản 42065503879 Ngân hàng đứng tên Trương Văn N mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Có người vay nhiều gói vay khác nhau, nếu ai không có tiền trả nợ đúng thời hạn, muốn đáo hạn để vay gói mới thì N sẽ lấy số tiền gốc của khoản vay sau trừ tiền gốc và lãi của gói vay trước.

Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2020 đến tháng 12/2021, N đã cho 22 người tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột vay tiền, cụ thể như sau:

Người vay thứ 1: Cao Thị Mỹ N:

Vay 10 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 400.000đồng (tiền gốc 360.000đồng, tiền lãi 40.000đồng, lãi suất tương ứng 135,2%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng/gói/30 ngày. N trả hết 10 gói vay, tổng số tiền 120.000.000đồng (tiền gốc 108.000.000đồng, tiền lãi 12.000.000đồng).

Như vậy, số tiền thu được trong 30 ngày: $400.000\text{đồng} \times 30\text{ ngày} = 12.000.000\text{đồng}$.

Tiền lãi thu được: $12.000.000\text{đồng} - 10.800.000\text{đồng} = 1.200.000\text{đồng}$

Lãi suất cho phép trong 30 ngày: $20\%/365 \times 30\text{ ngày} \times 10.800.000\text{đồng} = 177.534\text{đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính: $1.200.000\text{đồng} - 177.534\text{đồng} = 1.022.466\text{đồng}$

Thu lợi bất chính của 10 gói vay: $1.022.466\text{đồng} \times 10 = 10.224.660\text{đồng}$.

Tiền lãi suất cao nhất so với quy định Nhà nước của 10 gói vay: $177.534\text{đồng} \times 10 = 1.775.340\text{đ}$.

Người vay thứ 2: Nguyễn Bá T:

Vay 05 gói, mỗi gói 5.400.00đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng

202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6000.000đ/gói/20ngày. T trả hết 05 gói vay, tổng số tiền 30.000.000đồng (tiền gốc 27.000.000đồng, tiền lãi 3.000.000đồng).

Tương tự như trên, tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 295.890đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.704.110đồng.

Người vay thứ 3: Lê Thị M:

Vay 05 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đồng, tiền lãi 15.000đồng, lãi suất tương ứng là 202,8 %/năm). Số tiền phải trả là 3000.000đồng/gói/20ngày. M trả hết 05 gói vay, tổng số tiền 15.000.000đồng (tiền gốc 13.50.000đồng, tiền lãi 1.500.000đồng). Tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 147.945đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.352.055đồng.

Người vay thứ 4: Phạm T : Vay 05 lần:

Lần 1: Vay 03 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 200.000đồng (tiền gốc 180.000đồng, tiền lãi 20.000đồng, lãi suất tương ứng là 135,2 %/năm), số tiền phải trả là 6000.000đ/gói/30ngày. T trả hết 03 gói vay, tổng số tiền 18.000.000đồng (tiền gốc 16.200.000đồng, tiền lãi 1.800.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 266.301đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.533.699đồng.

Lần 2: Vay 01 gói số tiền 2.700.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 100.000đồng (tiền gốc 90.000đồng, tiền lãi 10.000đồng, lãi suất tương ứng là 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3000.000đồng, T đã trả hết gói vay (tiền gốc 2.700.000đồng, tiền lãi 300.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 44.384đồng. Tiền thu lợi bất chính là 255.616đồng.

Lần 3: Vay 03 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đồng, tiền lãi 15.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3000.000đ/gói. T trả hết 03 gói vay tổng số tiền 9.000.000đồng (tiền gốc 8.100.000đồng, tiền lãi 900.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 88.767đồng. Tiền thu lợi bất chính là 811.233đồng.

Lần 4: Vay 04 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6000.000đ/gói. T trả hết 04 gói vay, tổng số tiền 24.000.000đồng (tiền gốc 21.600.000đồng, tiền lãi 2.400.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 236.712đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.163.288đồng.

Lần 5: Vay 01 gói với số tiền 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đồng, tiền lãi 60.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng, T đã trả hết gói vay (tiền gốc 10.800.000đồng, tiền lãi 1.200.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 118.356đồng. Tiền thu lợi bất chính 1.081.644đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính từ các khoản vay của ông T là 5.845.480đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 754.520đồng.

Người vay thứ 5: Trần Thị B: Vay 03 lần:

Lần 1: Vay 16 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đồng, tiền lãi 15.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3000.000đ/gói. B trả hết 16 gói vay, tổng số tiền 48.000.000đồng (tiền gốc 43.200.000đồng, tiền lãi 4.800.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 473.424đồng. Tiền thu lợi bất chính 4.326.576đồng.

Lần 2: Vay 01 gói số tiền 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đồng. B đã trả hết gói vay với số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đồng, tiền lãi 600.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 59.178đồng. Tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Lần 3: Vay 01 gói số tiền 8.100.000đồng (gồm gói 2.700.000đồng và gói 5.400.000đồng cùng lúc), thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 450.000đồng (tiền gốc 405.000đồng, tiền lãi 45.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 9.000.000đồng, B đã trả hết gói vay này với số tiền 9.000.000đồng (tiền gốc 8.100.000đồng, tiền lãi 900.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 88.767đồng, tiền thu lợi bất chính 811.233đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính từ các khoản vay của bà B 5.678.631đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 621.369đồng.

Người vay thứ 6: Vương Thị T :

Vay 05 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6000.000đ/gói. T trả đủ 01 gói vay số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đồng, tiền lãi 600.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 59.178đồng. Tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Còn 04 gói đã trả lần lượt: 01 gói trả được 14 ngày với số tiền 4.200.000đồng (tiền gốc 3.780.000đồng, tiền lãi 420.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 41.425đồng. Tiền thu lợi bất chính 378.575đồng; 01 gói trả được 17 ngày với số tiền 5.100.000đồng (tiền gốc 4.590.000đồng, tiền lãi 510.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 50.301đồng. Tiền thu lợi bất chính 459.699đồng; 01 gói trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đồng, tiền lãi 30.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 29.589đồng. Tiền thu lợi bất chính 270.411đồng; 01 gói trả được 04 ngày với số tiền 1.200.000đồng (tiền gốc là 1.080.000đồng, tiền lãi 120.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 11.836đồng, Tiền thu lợi bất chính 108.164đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính từ các khoản vay của bà T là 1.757.671đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 192.329đồng. Hiện nay bà T còn nợ bị cáo số tiền 9.450.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 7: Trần Thị Thu H : Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 04 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đồng, tiền lãi 60.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm), số tiền phải trả là 12.000.000đ/gói. Bà H trả đủ 02 gói vay với số tiền 24.000.000đồng (tiền gốc 21.600.000đồng, tiền lãi 2.400.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 236.712đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.163.288đồng; 01 gói trả được 05 ngày với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đồng, tiền lãi 300.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 29.589đồng. Tiền thu lợi bất chính 270.411đồng; 01 gói trả được 03 ngày với số tiền 1.800.000đồng (tiền gốc là 1.620.000đồng, tiền lãi 180.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 17.753đồng. Tiền thu lợi bất chính 162.247đồng.

Số tiền thu lợi bất chính lần vay này là 2.595.946đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 284.054đồng.

Lần 2: Hà vay, trả giúp cho một người tên N (Chưa rõ lai lịch) 02 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6000.000đ/gói. H trả lần lượt: 01 gói trả được 12 ngày số tiền 3.600.00đồng (tiền gốc 3.240.000đồng, tiền lãi 360.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 35.507đồng. Tiền thu lợi bất chính 324.493đồng; 01 gói trả được 03 ngày với số tiền 900.000đồng (tiền gốc 810.000đồng, tiền lãi 90.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 8.877đồng. Tiền thu lợi bất chính 81.123đồng. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 405.616đồng. Số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 44.384đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà H là 3.001.562đồng. Tổng số tiền lãi cao nhất so với quy định của nhà nước là 328.438đồng. Hiện nay Hà còn nợ bị cáo 24.030.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 8: Lê Thị H: Vay 03 lần:

Lần 1: Vay 06 gói, mỗi gói 2.700.000 đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đ (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3000.000đ/gói. Bà H trả đủ 06 gói với tổng số tiền 18.000.000đồng (tiền gốc 16.200.000đồng, lãi 1.800.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 177.534đồng, tiền thu lợi bất chính 1.622.466đồng.

Lần 2: Vay 14 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6000.000đ/gói. Bà H trả đủ 10 gói với tổng số tiền 60.000.000đồng (tiền gốc 54.000.000đồng, tiền lãi 6.000.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 591.780đồng. Tiền thu lợi bất chính 5.408.220đồng; 01 gói đã trả được 13 ngày, với số tiền 3.900.000đồng (tiền gốc là 3.510.000đồng, tiền lãi 390.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 38.466đồng. Tiền thu lợi bất chính 351.534đồng; 01 gói đã trả được 11 ngày với số tiền 3.300.000đồng (tiền gốc 2.970.000đồng, tiền lãi 330.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.548đồng. Tiền thu lợi bất chính 297.452đồng; 01 gói vay trả được 10 ngày với số tiền

3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đồng, tiền lãi 300.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 29.589đồng. Tiền thu lợi bất chính 270.411đồng; 01 gói vay đã trả được 05 ngày với số tiền 1.500.000đồng (tiền gốc 1.350.000đồng, tiền lãi 150.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 14.795đồng. Tiền thu lợi bất chính 135.205đồng.

Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 6.462.822đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 707.178đồng.

Lần 3: Vay 06 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đồng, tiền lãi 60.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đ/gói, Bà H đã trả đủ 03 gói với tổng số tiền 36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đồng, tiền lãi 3.600.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 355.068đồng. Tiền thu lợi bất chính 3.244.932đồng; 01 gói trả được 12 ngày với số tiền 7.200.000 đồng (tiền gốc 6.480.000đồng, tiền lãi 720.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 71.014đồng. Tiền thu lợi bất chính 648.986đồng; 01 gói trả được 08 ngày với số tiền 4.800.000 đồng (tiền gốc 4.320.000đồng, tiền lãi 480.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 47.432đồng. Tiền thu lợi bất chính 432.658đồng; 01 gói vay trả được 06 ngày với số tiền 3.600.000 đồng (tiền gốc 3.240.000đồng, tiền lãi 360.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.507đồng, tiền thu lợi bất chính 324.493đồng. Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 4.651.069đồng. Tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 509.021đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của Bà H là 12.736.357đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 1.393.733đồng. Hiện nay Bà H còn nợ bị cáo 29.430.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 9: Lê Thị L :

Vay 03 gói, mỗi gói là 5.400.000 đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc là 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói. Bà Lan trả được lần lượt: 01 gói là 06 ngày với số tiền 1.800.000đồng (tiền gốc 1.620.000đ, tiền lãi 180.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 17.753đồng. Tiền thu lợi bất chính 162.247đồng; 01 gói trả được 11 ngày với số tiền 3.300.000đồng (tiền gốc 2.970.000đồng, tiền lãi 330.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.548đồng. Tiền thu lợi bất chính 297.452đồng; 01 gói trả được 09 ngày với số tiền 2.700.000đồng (tiền gốc là 2.430.000đồng, tiền lãi 270.000đồng), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 26.630đồng. Tiền thu lợi bất chính số tiền 243.370 đồng.

Như vậy, số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà L là 703.069đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 76.931đồng. Hiện nay bà L còn nợ bị cáo 9.180.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 10: Phạm Thị Thuý D : Vay 03 lần:

Lần 1: Vay 06 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc là 270.000đồng, tiền lãi 30.000đồng, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói. Bà D trả đủ 06 gói, tổng số tiền

36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đ, tiền lãi 3.600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 355.068đồng, tiền thu lợi bất chính 3.244.932đồng.

Lần 2: Vay 06 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 200.000đồng (tiền gốc 180.000đ, tiền lãi 20.000đ, lãi suất tương ứng 135,2%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói. Bà D trả đủ 06 gói, tổng số tiền 36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đ, tiền lãi 3.600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 532.602đồng, tiền thu lợi bất chính 3.067.398đồng.

Lần 3: Vay 02 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đ/gói. Bà D trả đủ 02 gói, tổng số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc là 5.400.000đ, tiền lãi 600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 59.178đồng, tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà của Diễm là 6.853.152đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 946.848đồng.

Người vay thứ 11: Lê Thị Đ :

Vay 07 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói. Bà D trả đủ 06 gói, tổng số tiền 36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đ, tiền lãi 3.600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 355.068đồng. Tiền thu lợi bất chính 3.244.932đồng; 01 gói trả được 05 ngày với số tiền 1.500.000đồng (tiền gốc 1.350.000đ, tiền lãi 150.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 14.795đồng, tiền thu lợi bất chính 135.205đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của Bà D là 3.380.137đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 369.863đồng. Hiện nay Bà D còn nợ bị cáo 4.050.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 12: Ka Sơn Thiều N (thường gọi S): Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 09 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 1 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đ/gói, bà N trả đủ 09 gói, tổng số tiền 27.000.000đồng (tiền gốc 24.300.000đ, lãi 2.700.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 266.301đồng, số tiền thu lợi bất chính 2.433.699đồng.

Lần 2: Vay 04 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói, bà N trả đủ 03 gói vay, tổng số tiền 18.000.000đồng (tiền gốc 16.200.000đ, tiền lãi 1.8000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 177.534đồng. Tiền thu lợi bất chính 1.622.466đồng; 01 gói trả được 05 ngày với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 14.795đồng, tiền thu lợi bất chính 135.205đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà N là 4.191.370đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 458.630đồng. Hiện nay bà N còn nợ bị cáo số tiền 4.050.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 13: Trần Thị Hồng P : Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 04 gói vay, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc là 270.000đ, tiền lãi là 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói. Bà P trả đủ 03 gói với tổng số tiền 18.000.000đồng (tiền gốc 16.200.000đ, tiền lãi 1.800.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 177.534đồng. Số tiền thu lợi bất chính 1.622.466đồng; 01 gói vay trả được 15 ngày với số tiền 4.500.000đồng (tiền gốc 4.050.000đ, tiền lãi 450.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 44.384đồng, số tiền thu lợi bất chính 405.616đồng.

Lần 2: Vay 01 gói với số tiền 10.800.000 đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đ, tiền lãi 60.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng, Bà P trả được 10 ngày với số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đ, tiền lãi 600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 59.178 đồng, tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Ngoài ra, Bà P còn vay giúp 01 gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày. Phụng trả đủ với số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đ, tiền lãi 600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 59.178đồng. Tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2021, Phụng còn vay nhiều gói vay khác nhau, trả bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng của N . Cụ thể:

Vay đáo hạn gói 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đ, tiền lãi 60.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đ/gói. Phụng chuyển khoản cho N 161 ngày tương đương với 08 gói đã trả đủ và 01 gói trả được một ngày, với tổng số tiền là 96.600.000đồng (tiền gốc 86.940.000đ, tiền lãi 9.660.000đ, tiền lãi suất cao nhất lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 952.766đồng, tiền thu lợi bất chính 8.707.234đồng.

Vay đáo hạn gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc là 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải 6.000.000 đồng/gói. P chuyển khoản cho N 21 ngày tương đương với 01 gói vay đã trả đủ và 01 gói vay trả được 01 ngày, tổng số tiền là 6.300.000 đồng (tiền gốc 5.670.000đ, tiền lãi 630.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 62.137đồng, số tiền thu lợi bất chính 567.863đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của Bà P là 12.384.823đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 1.355.177đồng. Hiện nay Bà P vẫn còn nợ bị cáo 22.140.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 14: Võ Thị Minh H:

Vay 03 gói, mỗi gói là 5.400.000 đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng

202,8%/năm). Số tiền phải trả 6.000.000 đồng/gói. Bà H trả đủ 03 gói với tổng số tiền 18.000.000đồng (tiền gốc 16.200.000đ, tiền lãi 1.800.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 177.534đồng, số tiền thu lợi bất chính 1.622.466đồng.

Ngoài ra, từ khoảng tháng 5/2021 đến tháng 12/2021, Bà H còn vay nhiều gói vay khác nhau, trả bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản của N. Cụ thể:

Vay đáo hạn gói 8.100.000đồng (gồm các gói vay 5.400.000đ và 2.700.000đ), thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 450.000đồng (tiền gốc 405.000đ, tiền lãi 45.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 9.000.000đ/gói (gồm 6.000.000đ và 3.000.000đ). H đã chuyển khoản 48 ngày tương đương với 02 gói trả đủ và 01 gói trả được 08 ngày với tổng số tiền là 21.600.000đồng (tiền gốc 19.440.000đ, tiền lãi 2.160.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 213.041đồng, số tiền thu lợi bất chính 1.946.959đồng.

Vay đáo hạn gói 5.400.000 đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả 6.000.000 đồng/gói. Bà H chuyển khoản 69 ngày tương đương với 03 gói trả đủ và 01 gói đã trả được 09 ngày, với tổng số tiền là 20.700.000 đồng (tiền gốc 18.630.000đ, tiền lãi 2.070.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 204.164đồng, số tiền thu lợi bất chính 1.865.836đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của Bà H là 5.435.261đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 594.739đồng. Hiện nay Bà H còn nợ bị cáo 7.830.000đ tiền gốc.

Người vay thứ 15: Phan Thị Thu H : Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 06 gói, mỗi gói 5.400.00đ, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đ (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải là 6.000.000đ/gói. Bà H trả đủ 06 gói vay với tổng số tiền là 36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đ, tiền lãi 3.600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 355.068đồng, số tiền thu lợi bất chính 3.244.932đồng.

Lần 2: Vay 10 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải là 3.000.000đ/gói, bà H trả đủ 10 gói với tổng số tiền 30.000.000đồng (tiền gốc 27.000.000đ, tiền lãi 3.000.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 295.890đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.704.110đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà H là 5.949.042đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 650.958đồng.

Người vay thứ 16: Phạm Thị T , (thường gọi là C): Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 09 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 400.000đồng (tiền gốc 360.000đ, tiền lãi 40.000đ, lãi suất tương ứng

135,2%). Số tiền phải trả là 12.000.000đ/gói. Bà T trả đủ 08 gói với tổng số tiền là 96.000.000đồng (tiền gốc 86.400.000đ, tiền lãi 9.600.000đ, tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 1.420.272đồng). Tiền thu lợi bất chính 8.179.728đồng; 01 gói vay bà T trả được 06 ngày, số tiền 2.400.000đồng (tiền gốc 2.160.000đ, tiền lãi 240.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.507đồng. Tiền thu lợi bất chính 204.493đồng.

Số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 8.384.221đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 1.455.779đồng.

Lần 2: Vay 03 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đ, tiền lãi 60.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải là 12.000.000đ/gói, bà T trả được lần lượt: 01 gói trả được 04 ngày với số tiền 2.400.000đồng (tiền gốc 2.160.000đ, tiền lãi 240.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 23.671đồng. Tiền thu lợi bất chính 216.329đồng; 01 gói trả được 11 ngày với số tiền là 6.600.000đồng (tiền gốc 5.940.000đ, tiền lãi 660.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.096đồng. Tiền thu lợi bất chính 594.904đồng; 01 gói trả được 09 ngày với số tiền 5.400.000đồng (tiền gốc 4.860.000đ, tiền lãi 540.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 53.260đồng. Tiền thu lợi bất chính 486.740đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.297.973đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 142.027đồng.

Tương tự như trên, bà T còn trực tiếp vay, trả giúp cho 02 người bạn là “Chút Cọ”, “Phụng Cọ” 03 gói vay, mỗi gói là 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày. Bà T trả được lần lượt: 01 gói trả được 17 ngày với số tiền 10.200.000đồng (tiền gốc 9.180.000đ, tiền lãi 1.020.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 100.603đồng. Tiền thu lợi bất chính 919.397đồng; 01 gói trả được 03 ngày với số tiền 1.800.000đồng (tiền gốc 1.620.000đ, lãi 180.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 17.753đồng. Tiền thu lợi bất chính 162.247đồng; 01 gói trả được 11 ngày với số tiền 6.600.000đồng (tiền gốc 5.940.000đ, tiền lãi 660.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.096đồng. Tiền thu lợi bất chính 594.904đồng.

Số tiền thu lợi bất chính lần vay này là 1.676.548đồng, tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 183.452đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ các khoản vay của bà T 11.358.742đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 1.781.258đồng. Hiện nay bà T còn nợ bị cáo 43.740.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 17: Ngô Ngọc Đ (ghi tên trong sổ là Anh Đ , Đ xe) Vay 04 lần:

Lần 1: Vay 01 gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải là 3.000.000đồng. Đ trả đủ gói vay với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 29.589đồng, tiền thu lợi bất chính 270.411đồng.

Lần 2: Vay 01 gói 2.700.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 100.000đồng (tiền gốc 90.000đ, tiền lãi 10.000đ, lãi suất tương ứng 135.2%/năm). Số tiền phải là 3.000.000đồng. Đ trả đủ gói vay với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 44.384đồng. Tiền thu lợi bất chính 255.616đồng.

Lần 3: Vay 09 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải là 6.000.000đ/gói, Đ trả đủ 09 gói với tổng số tiền 54.000.000đồng (tiền gốc 48.600.000đ, tiền lãi 5.400.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 532.602đồng, số tiền thu lợi bất chính 4.867.398đồng.

Lần 4: Vay 03 gói, mỗi gói 8.100.000đồng (gồm gói vay 5.400.000đ và 2.700.000đ), thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 450.000đồng (tiền gốc 405.000đ, tiền lãi 45.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải là 9.000.000đ/gói, Đ trả đủ 03 gói với tổng số tiền 27.000.000đồng (tiền gốc 24.300.000đ, tiền lãi 2.700.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 266.301đồng. Tiền thu lợi bất chính 2.433.699đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ các khoản vay của ông Đ là 7.827.124đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 872.876đồng.

Người vay thứ 18: Đỗ Anh H (ghi tên trong sổ là H xe, H xe thô): Vay 04 lần:

Lần 1: Vay 05 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đ/gói. H trả đủ cho N 05 gói vay với tổng số tiền 15.000.000đồng (tiền gốc 13.500.000đ, tiền lãi 1.500.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 147.945đồng. Tiền thu lợi bất chính 1.352.055đồng.

Lần 2: Vay 05 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói, H trả đủ cho N 05 gói vay với tổng số tiền 30.000.000đồng (tiền gốc 27.000.000đ, tiền lãi 3.000.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 295.890đồng, tiền thu lợi bất chính 2.704.110đồng.

Lần 3: Vay 03 gói, mỗi gói 8.100.000đồng (gồm gói vay 5.400.000đ và 2.700.000đ), thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 450.000đồng (tiền gốc 405.000đ, lãi 45.000đ, lãi suất tương ứng 202,8%/năm). Số tiền phải trả là 9.000.000đ/ gói, H trả đủ cho bị cáo 03 gói vay, tổng số tiền 27.000.000đồng (tiền gốc 24.300.000đ, tiền lãi 2.700.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 266.301đồng, tiền thu lợi bất chính 2.433.699đồng.

Lần 4: Vay 01 gói 10.800.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 400.000đồng (tiền gốc 360.000đ, lãi 40.000đ, lãi suất tương ứng 135.2%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng, H trả đủ gói vay số tiền 12.000.000đồng (tiền gốc 10.800.000đ, tiền lãi 1.200.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 177.534đồng, tiền thu lợi bất chính 1.022.466đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của ông H là 7.512.330đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 887.670đồng.

Người vay thứ 19: Nguyễn Thị O (ghi tên trong sổ là O trái cây, O Rùi): Vay 04 lần:

Lần 1: Vay 03 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đ/gói, O trả đủ 03 gói với tổng số tiền 9.000.000đồng (tiền gốc 8.100.000đ, tiền lãi 900.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 88.767đồng, tiền thu lợi bất chính 811.233đồng.

Lần 2: Vay 05 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói, O trả đủ 04 gói với tổng số tiền 24.000.000đồng (tiền gốc 21.600.000, tiền lãi 2.400.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 236.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.163.288đồng; 01 gói trả được 06 ngày với số tiền 1.800.000đồng (tiền gốc 1.620.000đ, tiền lãi 180.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 17.753đồng, tiền thu lợi bất chính 162.247đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 254.465đồng, tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 2.325.535đồng,

Lần 3: Vay 04 gói, mỗi gói 8.100.000đồng (gồm gói 5.400.000đồng và 2.700.000 đồng), thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 450.000đồng (tiền gốc 405.000đ, lãi 45.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 9.000.000đ/gói, O trả đủ 03 gói vay với tổng số tiền 27.000.000đồng (tiền gốc 24.300.000đ, tiền lãi 2.700.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 266.301đồng, tiền thu lợi bất chính 2.433.699đồng; 01 gói vay trả được 07 ngày với số tiền 3.150.000đồng (tiền gốc 2.835.000đ, tiền lãi 315.000đ), lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 31.068đồng, tiền thu lợi bất chính 283.932đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 297.369đồng, số tiền thu lợi bất chính lần vay này là 2.717.631đồng.

Lần 4: Vay 02 gói, mỗi gói 10.800.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đ, lãi 60.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng, O trả được lần lượt: 01 gói trả được 03 ngày với số tiền 1.800.000đồng (tiền gốc 1.620.000đ, tiền lãi 180.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 17.753đồng, tiền thu lợi bất chính 162.247đồng; 01 gói trả được 09 ngày với số tiền 5.400.000đồng (tiền gốc 4.860.000đ, tiền lãi 540.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 53.260đồng, tiền thu lợi bất chính 486.740đồng. Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 71.013đồng, số tiền thu lợi bất chính lần vay này là 648.987đồng.

Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 711.614đồng, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của bà O là 6.503.386đồng. Hiện nay bà O còn nợ bị cáo 24.165.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 20: Mai Thị Ái P (ghi tên trong sổ là P, P số 5): Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 07 gói, mỗi gói là 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc là 270.000đ, lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói, P trả đủ 06 gói với tổng số tiền 36.000.000đồng (tiền gốc 32.400.000đ, tiền lãi 3.600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 355.068đồng. Tiền thu lợi bất chính 3.244.932đồng; 01 gói trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 29.589đồng, tiền thu lợi bất chính 270.411đồng.

Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 384.657đồng và tổng số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là 3.515.343đồng.

Lần 2: Vay 01 gói 5.400.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 200.000đồng (tiền gốc 180.000đ, lãi 20.000đ, lãi suất tương ứng 135.2%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đồng, P trả đủ gói vay với tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đ, tiền lãi 600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 88.767đồng, tiền thu lợi bất chính 511.233đồng.

Ngoài ra, P còn vay, trả giúp cho một người bạn 01 gói 10.800.000đồng, thời hạn vay 20 ngày, 01 ngày đóng 600.000đồng (tiền gốc 540.000đ, lãi 60.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 12.000.000đồng, P trả được 06 ngày với số tiền 3.600.000đồng (tiền gốc 3.240.000đ, tiền lãi 360.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.507đồng, tiền thu lợi bất chính 324.493đồng.

Vay, trả giúp 01 gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đồng, P trả được 10 ngày với số tiền 3.000.000đồng (tiền gốc 2.700.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 29.589đồng, tiền thu lợi bất chính 270.411đồng.

Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 153.863đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính từ lần vay này là 1.106.137đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính từ các khoản vay của bà P là 4.621.480đồng. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 538.520đồng. Hiện nay bà P còn nợ bị cáo 12.960.000đồng tiền gốc.

Người vay thứ 21: Phan Đình T (ghi tên trong sổ là Két K): Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 05 gói, mỗi gói 2.700.000đồng, thời hạn 30 ngày, 01 ngày đóng 100.000đồng (tiền gốc 90.000đ, lãi 10.000đ, lãi suất tương ứng 135.2%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đ/gói, T trả đủ 05 gói vay với tổng số tiền là 15.000.000đồng (tiền gốc 13.500.000đ, tiền lãi 1.500.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 221.920đồng, tiền thu lợi bất chính 1.278.080đồng.

Lần 2: Vay 01 gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đồng, T trả đủ gói vay (tiền gốc

5.400.000đ, tiền lãi 600.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 59.178đồng, tiền thu lợi bất chính 540.822đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 281.098đồng, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoản vay của ông T là 1.818.902đồng.

Người vay thứ 22: Nguyễn Thị H (ghi tên trong sổ là Chị H): Vay 02 lần:

Lần 1: Vay 02 gói, mỗi gói 5.400.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 300.000đồng (tiền gốc 270.000đ, tiền lãi 30.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 6.000.000đ/gói, H trả đủ 01 gói vay với số tiền 6.000.000đồng (tiền gốc 5.400.000đ, tiền lãi 300.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 59.178đồng, tiền thu lợi bất chính 540.822đồng; 01 gói trả được 04 ngày với số tiền 1.200.000đồng (tiền gốc 1.080.000đ, tiền lãi 120.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 11.836đồng, tiền thu lợi bất chính 108.164đồng.

Tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 71.014đồng, số tiền thu lợi bất chính từ lần vay này là 648.986 đồng.

Lần 2: Vay 01 gói 2.700.000đồng, thời hạn 20 ngày, 01 ngày đóng 150.000đồng (tiền gốc 135.000đ, tiền lãi 15.000đ, lãi suất tương ứng 202.8%/năm). Số tiền phải trả là 3.000.000đồng, H trả được 08 ngày với số tiền 1.200.000đồng (tiền gốc 1.080.000đ, tiền lãi 120.000đ), tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 11.836đồng, tiền thu lợi bất chính 108.164 đồng.

Tổng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.850đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính từ khoản vay của Hạnh là 757.150đồng. Hiện nay Bà H còn nợ bị cáo 5.940.000đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Trương Văn N cho 22 cá nhân vay gốc là 1.436.400.000đồng, tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 122.596.494đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, kèm sim 0949.xxxxxx; 01 quyển sổ tay đã qua sử dụng; số tiền 66.630.000đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10 màu vàng, BKS 47A – xxxxx

Tại bản Cáo trạng số: 194/CT-VKS-HS ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trương Văn N về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Trương Văn N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 16.630.000đồng là tiền thu lợi bất chính và 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7 màu đen, số imei: 352988092225523 kèm sim 0949xxxxxx là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 quyển sổ tay đã qua sử dụng có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Hyundai, loại xe: Ô tô con, số loại I10, màu sơn vàng, số máy: G4LALM806231, số khung: RLUG7W1DAMN066119, BKS 47A – xxxxx và số tiền 50.000.000đồng. Quá trình điều tra đã xác định, nguồn gốc chiếc xe và số tiền là của bà Trương Thị Thu D (là con ruột bị cáo hiện sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh) nhờ bị cáo đứng tên đăng ký chủ sở hữu, đứng tên trong hợp đồng mua xe, hợp đồng tín dụng mua xe trả góp, được thể hiện qua các giao dịch chuyển tiền từ bà D qua cho ông N vào ngày 02/7/2020 số tiền 20.000.000đồng, sau đó bị cáo N chuyển khoản số tiền này đặt cọc mua xe và một số lần khác bà D đưa tiền trực tiếp cho bị cáo. Vào ngày 16/12/2021, bà D tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đồng để trả tiền mua góp chiếc xe trên thì bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Vì vậy, cần trả lại cho bà D những tài sản trên.

Truy thu Sung ngân sách nhà nước số tiền 1.254.013.596đồng (trong đó: 1.238.895.000đồng là tiền gốc người vay đã trả và 15.118.596đồng là tiền lãi 20% theo quy định) của bị cáo Trương Văn N ; số tiền 196.965.000đồng là tiền gốc của những người vay nhưng chưa trả cho bị cáo, cụ thể: Nguyễn Thị O 24.165.000đồng; Phạm Thị T 43.740.000đồng; Lê Thị Đ 4.050.000đồng; Mai Thị Ái P số tiền 12.960.000đồng; Võ Thị Minh H 7.830.000đồng; Ka Sơn Thiệu N số tiền 4.050.000đồng; Vương Thị T 9.450.000đồng; Trần Thị Thu H 24.030.000đồng; Lê Thị H 29.430.000đồng; Lê Thị L 9.180.000đồng; Nguyễn Thị H 5.940.000đồng và Trần Thị Hồng P 22.140.000đồng.

Về phần dân sự của vụ án: Buộc bị cáo N trả lại 122.596.494 đồng tiền thu lợi bất chính từ những người vay gồm: Trả cho Cao Thị Mỹ N số tiền 10.244.660 đồng; Nguyễn Bá T số tiền 2.704.110 đồng; Lê Thị M số tiền 1.352.055đồng; Phạm T số tiền 5.845.480đồng; Trần Thị B số tiền 5.678.631đồng; Vương Thị T số tiền 1.757.671đồng; Trần Thị Thu H số tiền 3.001.562đồng; Lê Thị H số tiền 12.736.357đồng; Lê Thị L số tiền 703.069đồng; Phạm Thị Mỹ D số tiền 6.853.152đồng; Lê Thị Đ số tiền 3.380.137đồng; Ka Sơn Thiệu N số tiền 4.191.370đồng; Trần Thị Hồng P số tiền 12.384.823đồng; Võ Thị Minh H số tiền 5.435.261đồng; Bà Phan Thị Thu H số tiền 5.949.042đồng; Phạm Thị T số tiền 11.358.742đồng; Ngô N Đ số tiền 7.827.124đồng; Đỗ Anh H số tiền 7.512.330đồng; Nguyễn Thị O số tiền 6.503.386đồng; Mai Thị Ái P số tiền 4.621.480đồng; Phan Đình T số tiền 1.818.902đồng và Nguyễn Thị H số tiền 757.150đồng.

Hành vi khác: Ngoài ra, trong vụ án này, còn có những người vay tiền như: Chị B , Trâm bạn N , Thủy Trán, Tâm K , chị T , 6 Quàng, Anh T , Phúc taxi (đều không rõ lai lịch) có vay các gói vay với tổng số tiền N vay là

189.000.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.621.904đồng. Tuy nhiên, những người này hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa xác định lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn H (em rể bị cáo) là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, BKS 47B2-xxxxx để làm P tiện đi lại nhưng anh Hiếu không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Hiếu là phù hợp.

Đối với hành vi ngày 06/12/2021 của bị cáo N dùng tay tát vào má bà Lê Thị L do bà L không trả tiền vay. Quá trình điều tra, bà L có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý về hành vi này. Vì vậy, Công an Tp. Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Văn N, bằng hình thức phạt tiền là 2.500.000 đồng, về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 194/CT-VKS-HS ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021 tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trương Văn N đã cho 22 cá nhân vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay 1.436.400.000đồng, thu lãi cao gấp từ 6,76 lần đến 10,14 lần so với mức lãi suất cao nhất do Bộ Luật dân sự quy định, thu lợi bất chính số tiền 122.596.494đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trương Văn N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo một số tiền thích hợp để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

[6.1] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 16.630.000đồng bị cáo khai là tiền thu lợi bất chính trong quá trình cho nhiều người vay chưa rõ nhân thân, lai lịch và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số imei: 352988092225523 kèm sim 0949.xxxxxx là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Hyundai, loại xe: Ô tô con, số loại I10, màu sơn vàng, số máy: G4LALM806231, số khung: RLUG7W1DAMN066119, BKS 47A – xxxxx và số tiền 50.000.000đồng. Quá trình điều tra đã xác định, nguồn gốc chiếc xe và số tiền là của bà Trương Thị Thu D (con ruột bị cáo, hiện nay sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh) nhờ bị cáo đứng tên đăng ký chủ sở hữu, đứng tên trong hợp đồng mua xe, hợp đồng tín dụng mua xe trả góp, được thể hiện qua các giao dịch chuyển tiền từ bà D cho ông N vào ngày 02/7/2020 số tiền 20.000.000đồng, sau đó N chuyển khoản số tiền này đặt cọc mua xe và một số lần khác bà D đưa tiền trực tiếp cho bị cáo. Vào ngày 16/12/2021, bà D tiếp tục đưa cho bị cáo số tiền 50.000.000đồng để trả tiền mua góp chiếc xe trên thì bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Vì vậy, cần trả lại chiếc xe trên và số tiền trên cho bà D là phù hợp.

Đối với số tiền 1.254.553.596đồng (trong đó: 1.239.435.000đồng là tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo và 15.118.596đồng là tiền lãi 20% theo quy định) của bị cáo Trương Văn N và số tiền của những người vay còn nợ của bị cáo chưa trả bao gồm: Cửa của Bà Nguyễn Thị O 24.165.000đồng; Phạm Thị T 43.740.000đồng; Lê Thị Đ 4.050.000đồng; Mai Thị Ái P 12.960.000đồng; Võ Thị Minh H 7.830.000đồng; Ka Sơn Thiệu N 4.050.000đồng; Vương Thị T 9.450.000đồng; Trần Thị Thu H 24.030.000đồng; Lê Thị H 29.430.000đồng; Lê Thị L 9.180.000đồng; Nguyễn Thị H 5.940.000đồng và Trần Thị Hồng P 22.140.000đồng là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu của bị cáo và những người vay để Sung Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 quyển sổ tay đã qua sử dụng có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6.2] Về phần dân sự của vụ án:

Đối với số tiền 122.596.494 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ những người vay nên cần buộc bị cáo N trả lại cho những người vay cụ thể: Trả cho Cao Thị Mỹ N số tiền 10.244.660đồng; Nguyễn Bá T số tiền 2.704.110đồng; Lê Thị M số tiền 1.352.055đồng; Phạm T số tiền 5.845.480đồng; Trần Thị B số tiền 5.678.631đồng; Vương Thị T số tiền 1.757.671đồng; Trần Thị Thu H số tiền 3.001.562đồng; Lê Thị H số tiền 12.736.357đồng; Lê Thị L số tiền 703.069đồng; Phạm Thị Mỹ D số tiền 6.853.152đồng; Lê Thị Đ số tiền 3.380.137đồng; Ka Sơn Thiệu N số tiền 4.191.370đồng; Trần Thị Hồng P số tiền 12.384.823đồng; Võ Thị Minh H số tiền 5.435.261đồng; Phan Thị Thu H số tiền 5.949.042đồng; Phạm Thị T số tiền 11.358.742đồng; Ngô N Đ số tiền 7.827.124đồng; Đỗ Anh H số tiền 7.512.330đồng; Nguyễn Thị O số tiền 6.503.386đồng; Mai Thị Ái P số tiền 4.621.480đồng; Phan Đình T số tiền 1.818.902đồng; Nguyễn Thị H số tiền 757.150đồng.

[6.3] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Trong vụ án còn có những người vay tiền của bị cáo như: Chị Bình, Trâm bạn N, T Trán, T khùng, chị T, 6 Quàng, Anh T, P taxi (đều không rõ lai lịch) có vay các gói vay với tổng số tiền N cho vay là 189.000.000đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.621.904đồng. Tuy nhiên, những người này hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa xác định lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn H là em rể bị cáo là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode, BKS 47B2-xxxxxđể làm P tiện đi lại nhưng anh Hiếu không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Hiếu là phù hợp.

Đối với hành vi ngày 06/12/2021 của bị cáo N dùng tay tát vào má bà Lê Thị L do bà Lan không trả tiền vay. Quá trình điều tra, bà Lan có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý về hành vi này. Vì vậy, Công an Tp. Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Trương Văn N, bằng hình thức phạt tiền là 2.500.000 đồng, về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

[7] Về án phí:

- Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả lại cho những người vay, cụ thể: $122.596.494đ \times 5\% = 6.130.000$ đồng (đã làm tròn);

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự;

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Trương Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn N : 01 năm tù.

Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2021 đến ngày 03/3/2022.

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự

Phạt bổ sung bị cáo Trương Văn N số tiền 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

[4.1] Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Trương Văn N số tiền 16.630.000đồng là tiền thu lợi bất chính và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, số imei: 352988092225523 kèm sim 0949.xxxxxx là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bà Trương Thị Thu D 01 chiếc xe ô tô đã qua sử dụng hiệu Hyundai, loại xe: Ô tô con, số loại I10, màu sơn vàng, số máy: G4LALM806231, số khung: RLUG7W1DAMN066119, BKS 47A – xxxxxx và số tiền 50.000.000đồng.

Truy thu Sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Trương Văn N số tiền 1.254.553.596đồng; Của Nguyễn Thị O số tiền 24.165.000đồng; Của bà Phạm Thị T số tiền 43.740.000đồng; Của Bà Lê Thị Đ số tiền 4.050.000đồng; Của bà Mai Thị Ái P số tiền 12.960.000đồng; Của bà Võ Thị Minh H số tiền 7.830.000đồng; Của bà Ka Sơn Thiều N số tiền 4.050.000đồng; Của bà Vương Thị T số tiền 9.450.000đồng; Của bà Trần Thị Thu H số tiền 24.030.000đồng; Của bà Lê Thị H số tiền 29.430.000đồng; Của bà Lê Thị L số tiền 9.180.000đồng; Của bà Nguyễn Thị H số tiền 5.940.000đồng và của bà Trần Thị Hồng P 22.140.000đồng.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 quyển sổ tay (đã qua sử dụng) có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay tiền lãi nặng.

(Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 14/7/2022 giữa Công an TP. Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).

[4.2] Về phần dân sự của vụ án:

Buộc bị cáo Trương Văn N trả lại số tiền thu lợi bất chính từ những người vay bao gồm:

Trả lại cho Cao Thị Mỹ N số tiền 10.244.660đồng; Ông Nguyễn Bá T số tiền 2.704.110đồng; Bà Lê Thị M số tiền 1.352.055 đồng; Ông Phạm T số tiền 5.845.480 đồng; Bà Trần Thị B số tiền 5.678.631đồng; Bà Vương Thị T số tiền 1.757.671đồng; Bà Trần Thị Thu H số tiền 3.001.562 đồng; Bà Lê Thị H số tiền 12.736.357đồng; Bà Lê Thị L số tiền 703.069 đồng; Phạm Thị Mỹ D số tiền 6.853.152 đồng; Bà Lê Thị Đ số tiền 3.380.137đồng; Bà Ka Sơn Thiệu N số tiền 4.191.370đồng; Bà Trần Thị Hồng P số tiền 12.384.823đồng; Bà Võ Thị Minh H số tiền 5.435.261đồng; Bà Phan Thị Thu H số tiền 5.949.042 đồng; Bà Phạm Thị T số tiền 11.358.742đồng; Ông Ngô N Đ số tiền 7.827.124đồng; Ông Đỗ Anh H số tiền 7.512.330 đồng; Bà Nguyễn Thị O số tiền 6.503.386 đồng; Bà Mai Thị Ái P số tiền 4.621.480 đồng; Ông Phan Đình T số tiền 1.818.902đồng và bà Nguyễn Thị H số tiền 757.150đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

[5] Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trương Văn N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Thi hành án phạt tù;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu HS; Vp.

Lê Thị Mai